TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Việt Phương

2. Bà Dương Việt Thu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Ánh H, sinh ngày 01/01/1974

Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 096174005948; ngày cấp: 01/11/2022; nơi cấp: Cục C về TTXH

Bị đơn: Ông Lê Văn H1, sinh ngày 08/02/1971

Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau.

CCCD số: 095071007625; ngày cấp: 01/11/2022; nơi cấp: Cục C về TTXH

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn bà Trương Ánh H trình bày:* Chị và ông Lê Văn H1 xây dựng hôn nhân năm 1996. Đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau). Hôn nhân của bà là tự nguyện.

Vợ chồng chị chung sống có 03 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 08/02/1997; Lê Bích T1, sinh ngày 20/12/2003; Lê Văn T2, sinh ngày 26/6/2000. Hiện các con đã trưởng thành khỏe mạnh và có công việc riêng.

Trong thời gian chung sống vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Bà và ông H1 đã sống ly thân 05 năm nay. Trong thời gian sống ly thân giữa bà và ông H1 không có biện pháp gì để hòa giải hàn gắn tình cảm với nhau. Do đó bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H1.

Các con chung đã trưởng thành khỏe mạnh và có công việc riêng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Ông Lê Văn H1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

* Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Ánh H với ông Lê Văn H1.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành khỏe mạnh, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn H1 cư trú tại ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên đơn bà Trương Ánh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt

không có lý do; Căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Ánh H và ông Lê Văn H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ánh H và ông Lê Văn H1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa bà H và ông H1 là tự nguyện và hợp pháp. Bà H xác định vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau. Thực tế bà H và ông H1 đã sống ly thân từ 05 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, bà H và ông H1 không có biện pháp hòa giải hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn H1 để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng ông H1 đều vắng mặt không có lý do. Cho thấy ông H1 không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống hôn nhân giữa bà Trương Ánh H và ông Lê Văn H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Ánh H đối với ông Lê Văn H1.

[3] Về con chung: Bà Trương Ánh H xác định có 03 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 08/02/1997; Lê Bích T1, sinh ngày 20/12/2003; Lê Văn T2, sinh ngày 26/6/2000. Các con của bà đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Ánh H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trương Ánh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Ánh H đối với ông Lê Văn H1.

2. Về con chung: Bà Trương Ánh H xác định vợ chồng chung sống có 03 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 08/02/1997; Lê Bích T1, sinh ngày 20/12/2003; Lê

Văn T2, sinh ngày 26/6/2000. Các con của ông bà đã trưởng thành khỏe mạnh, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Ánh H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trương Ánh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Bà H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006328 ngày 19/5/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Vĩnh Hậu;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Ghết